

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 4648/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/12/2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1447/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6908/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7365/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Hồng P, sinh năm 1959 (có yêu cầu vắng mặt)

Căn cước công dân số: 079159008646 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/12/2021.

Địa chỉ: Số A Đường A, Khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc K, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 052050000132 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/12/2021.

Địa chỉ: Số A Đường A, Khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Võ Hồng P thì:

Bà và ông Nguyễn Khắc K tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19 Quyển 01/1983 ngày 12/9/1983.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống không hạnh phúc vì ông K có tính gia trưởng, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Bà P đã nhiều lần khuyên nhưng ông K vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà P và ông K đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay.

Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Khắc K. Đồng thời bà P có yêu cầu vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Về con chung: Bà P và ông K có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hồng Nhã P1 (nữ), sinh ngày 02/3/1984 và Nguyễn Hồng Tuệ K1 (nữ), sinh ngày 25/12/1988. Các con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Nợ chung: Không có

Bị đơn ông Nguyễn Khắc K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập. Tuy nhiên, ông K vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi đến Tòa, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bà Võ Hồng P có đơn yêu cầu vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Khắc K đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Hồng P về việc ly hôn với ông Nguyễn Khắc K. Con chung: Bà P và ông K có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hồng Nhã P1 (nữ), sinh ngày 02/3/1984 và Nguyễn Hồng Tuệ K1 (nữ), sinh ngày 25/12/1988. Các con chung của bà P ông K đã trưởng thành. Tài sản chung: Đang sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Nợ chung: Đang sự khai không có.

Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Hồng P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Khắc K cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà P phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Võ Hồng P có đơn xin vắng mặt, nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Bị đơn ông Nguyễn Khắc K đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông K.

[2] Về nội dung: Bà Võ Hồng P và ông Nguyễn Khắc K kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 12/9/1983 nên là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K nhưng Tòa án không nhận được trả lời của ông, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà P.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà P, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà P thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do ông K sống gia trưởng và không có trách nhiệm chăm lo cho vợ và các con. Bà P đã nhiều lần khuyên nhủ ông K nhưng không được. Đến năm 2021, bà P và ông K sống ly thân cho đến nay.

Như vậy, ông K, bà P đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, bà P có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà P và ông K có 02 (hai) con chung là Nguyễn Hồng Nhã P1 (nữ), sinh ngày 02/3/1984 và Nguyễn Hồng Tuệ K1 (nữ), sinh ngày 25/12/1988. Các con chung của bà P, ông K đã trưởng thành

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Đương sự khai không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà P là người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên căn cứ theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn án phí cho bà Võ Hồng P.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Luật Phí, lệ phí năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Hồng P:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Hồng P, sinh năm 1959 ly hôn ông Nguyễn Khắc K, sinh năm 1950

Về con chung: Bà Võ Hồng P và ông Nguyễn Khắc K có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hồng Nhã P1 (nữ), sinh ngày 02/3/1984 và Nguyễn Hồng Tuệ K1 (nữ), sinh ngày 25/12/1988 đều đã trưởng thành

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

Nợ chung: Không có

2. Về án phí sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Võ Hồng P do bà P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thị hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh